

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **78/2020/HNGĐ- ST**

Ngày 31/3/2020

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Hùng
2. Bà Phan Thị Minh Tâm

Thư ký phiên toà: Ông Vũ Đức Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Mạnh T, sinh năm 1956 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị D, sinh năm 1958 (vắng mặt không có lý do)

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn ông Đỗ Mạnh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị D tìm hiểu rồi đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình vào ngày 12/02/1978. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn và sinh sống tại thôn N, xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của vợ chồng ban đầu hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau, vợ chồng thường hay cãi vã nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể kéo dài được. Ông và bà D ly thân từ đầu năm 2015 đến nay. Trong quá trình mâu thuẫn gia đình

và chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị D.

Về con chung: Ông xác định giữa ông và bà Lê Thị D có 03 con chung, cháu Đỗ Thị T, sinh ngày 20/9/1982, cháu Đỗ Thị Thanh T1, sinh ngày 10/12/1983 và cháu Đỗ Mạnh T2, sinh ngày 02/01/1986. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: ông xác định ông bà tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà D trốn tránh, giấu địa chỉ, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Mạnh Th, xử cho ông Đỗ Mạnh T được ly hôn với bà Lê Thị D. Về con chung: cháu T, cháu T1 và cháu T2 đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản, đất đai, vay nợ không có tranh chấp nên không xem xét. Ông Đỗ Mạnh T được miễn toàn bộ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: ông T và bà D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh xác định bà Lê Thị D đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã H, huyện Sơn Dương. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Bà D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của ông Đỗ Mạnh T, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của bà D xác định: ông T và bà D kết hôn vào năm 1978 tại huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, ông bà T, D làm ăn sinh sống tại thôn N, xã H. Ông bà T, D sinh sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về mặt tình cảm. Ông T và bà D ly thân từ năm 2015 đến nay. Ông bà có 03 con chung, cháu Đỗ Thị T, sinh năm 1982, cháu Đỗ Thị Thanh T1, sinh năm 1983 và cháu Đỗ Mạnh T2, sinh năm 1986. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành.

Bản thân ông T xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, bà D không có ý kiến gì, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy bà D cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông T là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn: do các cháu cháu Đỗ Thị T, sinh ngày 20/9/1982, cháu Đỗ Thị Thanh T1, sinh ngày 10/12/1983 và cháu Đỗ Mạnh T2, sinh ngày 02/01/1986 đều đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: không đề nghị nên không xem xét.

[7] Về án phí: do ông T là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà D không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Đỗ Mạnh T được ly hôn với bà Lê Thị D.

2. Về án phí: ông Đỗ Mạnh T được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Bà Lê Thị D không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Lê Tuấn Linh

